

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST
Ngày: 14/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ logistics

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Minh Lý**.
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đậu Thị Tuyết** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoài** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistics” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 06/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-KDTM ngày 27/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L; địa chỉ trụ sở chính: Số A đường Đ, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số A đường L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Ngọc H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A đường L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2019). Có mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P; địa chỉ: Số A đường L, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Chung Thanh V, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A đường L, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 (nộp tại Tòa án ngày 15/02/2019) và quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L do bà Hoàng Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/10/2017, Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L (viết tắt là Công ty L) và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P (viết tắt là Công ty P) ký kết hợp đồng dịch vụ xuất nhập khẩu số 01/2017 với nội dung: Công ty L thực hiện các dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, làm thủ tục hải quan cho Công ty P trong thời gian từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2018, chi phí dịch vụ là 3.300.000đ/cont, thanh toán vào ngày 15 tây của tháng tiếp theo. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã thực hiện đúng thỏa thuận mà hai bên ký kết. Ngày 27/8/2018, ông Chung Thanh V là đại diện theo pháp luật của Công ty P viết bằng cam kết xác nhận số tiền công nợ đến ngày 31/7/2018 là 716.533.963đ và cam kết thanh toán cho Công ty L trong vòng 03 tháng, kể cả số tiền công nợ trong tháng 8/2018 là 41.540.294đ. Nhưng đến nay, Công ty P chỉ mới thanh toán cho Công ty L số tiền là 350.000.000đ theo phiếu thu ngày 15/9/2018 và ngày 18/10/2018. Số tiền Công ty P còn nợ Công ty L là 408.074.257đ. Công ty L đã nhiều lần liên hệ Công ty P nhắc nhở việc thanh toán nhưng Công ty P chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P thanh toán số tiền nợ gốc là 408.074.257đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 19/01/2019 là 10.285.707đ. Tổng cộng số tiền yêu cầu là 418.359.964đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P tại trụ sở chính của công ty, cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Chung Thanh V người đại diện theo pháp luật của Công ty P, lý do Công ty P không còn hoạt động, ông Vinh không có mặt tại địa chỉ nêu trên.

Theo thông tin do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P có đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trụ sở chính số A đường L, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật là ông Chung Thanh V, hộ khẩu thường trú: Số A đường L, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số A đường L, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ chia

tách, sáp nhập hay giải thể của Công ty P. Đồng thời, theo biên bản xác minh tại Công an phường Định Hòa xác định ông Chung Thanh V, sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú tại Số A đường L, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty P, cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay của người đại diện theo pháp luật của Công ty P, Ủy ban nhân dân phường H và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 431.783.371đ, gồm số tiền gốc là 408.074.257đ và tiền lãi là 23.709.114đ. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L đối với bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P do ông Chung Thanh V đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng dịch vụ xuất nhập khẩu số 01/2017 ngày 01/10/2017 giữa Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại &

Vận tải P được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 233 Luật thương mại nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về số tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền phí dịch vụ còn nợ là 408.074.257đ. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là bảng cam kết đề ngày 27/8/2018, bảng kê đối chiếu công nợ tháng 8/2018 và biên bản giao nhận chứng từ tháng 8/2018. Xét thấy, tại bảng cam kết đề ngày 27/8/2018 do ông Chung Thanh V là người đại diện theo pháp luật của Công ty P viết, ký tên có nội dung xác nhận số tiền dịch vụ Công ty P phải thanh toán cho Công ty L tính đến ngày 31/7/2018 là 716.533.963đ. Đồng thời, theo bảng kê đối chiếu công nợ tháng 8/2018 xác định số tiền phí dịch vụ Công ty P phải thanh toán cho Công ty L trong tháng 8/2018 là 41.540.294đ. Như vậy, tổng số tiền phí dịch vụ Công ty P phải thanh toán cho Công ty L là 758.074.257đ.

Căn cứ theo phiếu thu ngày 15/9/2018 và phiếu thu ngày 18/10/2018, số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 350.000.000đ; cụ thể: ngày 15/9/2018 thanh toán 250.000.000đ và ngày 18/10/2018 thanh toán 100.000.000đ. Số tiền còn lại là 408.074.257đ đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền dịch vụ còn nợ 408.074.257đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 235, khoản 6 Điều 236 Luật thương mại.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 19/10/2018 đến ngày 14/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 07 tháng x 408.074.257đ x 0,83%/tháng = 23.709.114đ. Xét thấy, tại Điều 3 của hợp đồng dịch vụ xuất nhập khẩu số 01/2017 ngày 01/10/2017, hai công ty thỏa thuận Công ty P phải thanh toán tiền phí dịch vụ cho Công ty L vào ngày 15 tây của tháng tiếp theo. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã không thực hiện việc thanh toán như thỏa thuận của hai bên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán với số tiền yêu cầu 23.709.114đ là phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 408.074.257đ + 23.709.114đ = 431.783.371đ.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 254, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự; các Điều 233, 235, 236, 306 Luật Thương mại và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L đối với bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistics”.

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L tổng số tiền là 431.783.371đ (Bốn trăm ba mươi một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi một đồng), trong đó: số tiền gốc là 408.074.257đ (Bốn trăm lẻ tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) và tiền lãi là 23.709.114đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ chín nghìn một trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Vận tải P phải nộp số tiền 21.271.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu L số tiền 10.367.000đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016 - 0033631 ngày 19/3/2019.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Huỳnh Ngọc Chung